

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **45/2022/HNGĐ-ST**
Ngày 19 tháng 12 năm 2022
“V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bình Luyến

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hương

Ông Đào Văn Kiểm

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Hà - Thư ký Tòa án.

Trong ngày 19 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố VT, tỉnh PT, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 436/2022/TLST-HNGĐ ngày 26/10/2022; về việc: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 02/12/2022, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thúy V, Sinh năm 1989;

- Bị đơn: Anh Phùng Đức B, Sinh năm 1988;

Đều ĐKKHKT: Đội 6, thôn NL, xã Thụy V, thành phố VT, tỉnh PT.

(Chị V có mặt; anh B xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị Thúy V và Anh Phùng Đức B trình bày như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thúy V và anh Phùng Đức B đều xác định vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND xã TV, thành phố VT, tỉnh PT ngày 01/9/2011. Trước khi kết hôn hai bên được tự nguyện tìm hiểu, không ai bị ép buộc.

- Phía chị V cho rằng: Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2018, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm. Mặt khác, anh B hàng ngày thường xuyên uống Bia, không ở nhà nhiều, không cố gắng nhiều để lo cho tương lai, tính cách vợ chồng ngược nhau. Sống như vậy sẽ ảnh hưởng đến các con. Nay chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh B.

- Phía anh B cho rằng: Sau khi kết hôn hai bên sống hạnh phúc và có 02

con chung. Đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong mọi lĩnh vực. Cách đây 1 năm tuy hai bên vẫn sống chung 1 nhà và ăn cơm chung, nhưng ngủ riêng không quan hệ gì với nhau nữa. Nay chị V xin ly hôn anh B đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nuôi dạy con chung. Nếu chị V vẫn cương quyết xin ly hôn thì anh B cũng nhất trí ly hôn nhưng anh không ký vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành vì anh là người theo công giáo không được ký thuận tình ly hôn nên đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

** Về con chung:* Chị Nguyễn Thị Thúy V và anh Phùng Đức B xác định vợ chồng có 02 con chung là: Cháu Phùng Ngọc N, sinh ngày 03/02/2013; Cháu Phùng Minh H, sinh ngày 02/5/2018; Khi ly hôn chị V và anh B thống nhất thỏa thuận:

- Chị V được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Phùng Minh H.

- Anh B được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Phùng Ngọc N.

Hai bên không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

** Về tài sản chung, công nợ, công sức và các vấn đề:* Hai bên không đề nghị Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình giữa Chị Nguyễn Thị Thúy V và anh Phùng Đức B, có hộ khẩu thường trú tại thành phố VT, tỉnh PT; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố VT, tỉnh PT.

Xét về sự vắng mặt của bị đơn là anh Phùng Đức B: Phía anh B có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân thành phố VT tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Thúy V và anh Phùng Đức B đều xác định vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND xã TV, thành phố VT, tỉnh PT ngày 01/9/2011, dựa trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, không ai bị ép buộc. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Về tình cảm vợ chồng: Quá trình giải quyết tại Tòa án chị V, anh B đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn từ năm 2018 cho đến nay, khoảng 01 năm nay mặc dù hai bên vẫn ăn, ở và sống chung một nhà, nhưng ngủ riêng không quan hệ gì với nhau nữa. Tại phiên tòa chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa,

mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị V đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B. Phía anh B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa; tuy nhiên, tại bản tự khai và trong các lần hòa giải tại Tòa án anh B đề nghị hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung; nếu chị V vẫn quyết định xin ly hôn thì anh B nhất trí, nhưng anh B sẽ không ký vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn vì anh là người theo đạo công giáo, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của chị V và anh B, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án chị V và anh B đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn, tuy sống chung một nhà nhưng không còn quan hệ gì với nhau nữa. Chỉ vì anh B là người theo đạo công giáo nên anh không thể thỏa thuận việc ly hôn với chị V được; bởi vì theo quy định của đạo công giáo đã là vợ chồng thì không được ly hôn. Như vậy, có thể xác định về mối quan hệ giữa chị V và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Mặt khác, tại phiên tòa chị V xác định không còn tình cảm với anh B nữa và đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh B. Vì vậy, cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị V và cần xử cho chị V được ly hôn anh B là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về con chung*: Chị V và anh B có hai con chung 02 con chung là cháu Phùng Ngọc N, sinh ngày 03/02/2013 và cháu Phùng Minh H, sinh ngày 02/5/2018; Khi ly hôn chị V và anh B thống nhất thỏa thuận việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung như sau:

- Chị V được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Phùng Minh H.

- Anh B được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Phùng Ngọc N.

Hai bên không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Xét thấy, sự tự thỏa thuận về việc nuôi dưỡng, giáo dục con chung của các bên là dựa trên cơ sở tự nguyện, phù hợp pháp luật. Vì vậy, cần công nhận sự thỏa thuận về việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung giữa chị V và anh B, là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. *Về tài sản chung, công nợ và công sức*: Chị V và anh B không đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy, không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5]. *Về án phí*: Chị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định, là phù hợp pháp luật.

V× c, c lĩ trªn;

quyết định:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều

273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thúy V.

[1]. Xử cho chị Nguyễn Thị Thúy V được ly hôn với anh Phùng Đức B.

[2]. *Về con chung*: Công nhận về sự thỏa thuận về việc nuôi con chung giữa chị V và anh B như sau:

- Chị Nguyễn Thị Thúy V được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Phùng Minh H, sinh ngày 02/5/2018.

- Anh Phùng Đức B được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Phùng Ngọc N, sinh ngày 03/02/2013.

Hai bên không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung;

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3]. *Về tài sản chung, công nợ và công sức*: Chị V và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. *Về án phí*: Chị V tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Xác nhận chị V đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2020/0009959 ngày 25/10/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố VT, tỉnh PT.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND TP.VT;
- Chi cục THATP.VT;
- UBND xã Thụy V, TP VT;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bình Luyến